

# CH- ƠNG 3: KIỂM TRA GIÁM SÁT HẢI QUAN

## Tài liệu tham khảo

- Luật Hải quan 2005
- Nghị định 154- 15/12/2005 về thủ tục hải quan, kiểm tra và giám sát hải quan
- Thông t- 112/2005 về H- ớng dẫn thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan

# CƠ SỞ RA QUYẾT ĐỊNH HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Quá trình chấp hành nếu phát hiện gian lận: bắt kiểm tra toàn bộ hoặc xác suất
- Chính sách quản lý XNK: hàng cấm, thuế cao, cần giấy phép th- ờng có nhiều gian lận.
- Nguồn gốc và chủng loại hàng hoá: Hàng hoá từ các n- ớc TBCN th- ờng ít gian lận, ít có vấn đề, đối với hàng từ các n- ớc Đông Nam á th- ờng bị kiểm tra do có gian lận
- Hồ sơ hải quan: khai báo có chính xác, rõ ràng hay không
- Các nguồn thông tin khác: thông tin điều tra (đội trình sát ngoại tuyến), thông tin từ hải quan các n- ớc

# RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

## Miễn kiểm tra thực tế hàng hoá XNK

- Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của chủ hàng chấp hành tốt pháp luật hải quan
- Hàng hoá xuất khẩu (trừ hàng hoá xuất khẩu được sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu và hàng hoá xuất khẩu có điều kiện theo qui định về chính sách quản lý xuất khẩu hàng hoá)
- Máy móc thiết bị tạo tài sản cố định thuộc diện miễn thuế của dự án đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước.
- Hàng hoá từ nước ngoài đưa vào khu thương mại tự do, cảng trung chuyển, kho ngoại quan; hàng hoá quá cảnh; hàng hoá cứu trợ khẩn cấp
- Hàng hoá thuộc các trường hợp đặc biệt do Thủ tướng quyết định;
- Hàng hoá khác không thuộc các trường hợp trên được miễn kiểm tra thực tế khi kết quả phân tích thông tin cho thấy không có khả năng vi phạm pháp luật hải quan

# RA QUYẾT ĐỊNH KIỂM TRA

## Kiểm tra thực tế hàng hoá XNK

- Kiểm tra toàn bộ thực tế
- Kiểm tra thực tế 10% lô hàng
- Kiểm tra thực tế tới 5% lô hàng



# □□A □IƠM KIƠM TRA

## Đối với hàng xuất nhập khẩu

- Cửa khẩu và các điểm ngoài cửa khẩu
- Các điểm khác
- CFS
- Nơi tập kết hàng
- Chân công trình
- Nhà máy xí nghiệp
- Địa điểm tiếp nhận hàng viện trợ, hội chợ...

# NỘI DUNG KIỂM TRA

- Kiểm tra tên hàng và mã hàng
- Kiểm tra số l- ợng, trọng l- ợng hàng
- Kiểm tra phẩm chất
- Kiểm tra xuất xứ hàng hoá

# KIỂM TRA TỜ HÀNG VÀ MẪU HÀNG

Dựa vào bảng phân loại hàng hoá  
HS (harmonized system) có hiệu lực  
từ năm 1988

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Sự cần thiết của việc phân loại hàng hóa
  - Sự phát triển của giao l- u th- ơng mại làm nảy sinh nhu cầu phân loại hàng hóa nhằm mục đích:
    - + Quản lý sự l- u thông của hàng hóa
    - + Đánh thuế/ thu lệ phí/ miễn thuế cho hàng hóa
  - Những danh mục đầu tiên chỉ theo thứ tự chữ cái, không nói lên bản chất của hàng hóa nên sẽ khác biệt lớn giữa các quốc gia

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Do sự phát triển của TMQT, nảy sinh nhu cầu xây dựng một danh mục HQ chung để đảm bảo:
- + Hệ thống hóa toàn bộ hàng hóa tham gia trong th- ơng mại quốc tế
- + Phân loại thống nhất quốc tế toàn bộ hàng hóa trong danh mục của các quốc gia thành viên
- + Sử dụng danh mục này nh- “ngôn ngữ HQQT” để thống nhất cách hiểu giữa các nhà XNK, giao nhận, ngân hàng...



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- + Đơn giản hóa và hiệu chỉnh xác những thuật ngữ trong các cuộc đàm phán thương mại, trong các hiệp định HQ
- + Thu thập, so sánh, kiểm tra số liệu thống kê thống nhất, tạo thuận lợi cho việc phân tích các số liệu

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Lịch sử phát triển danh mục hàng hóa

- Giai đoạn 1831-1854: Bỏ ban hành danh mục chia thành 3 nhóm hàng:
  - + Nguyên liệu thô
  - + Sản phẩm nông nghiệp
  - + Các sản phẩm chế biến khác
- Danh mục 10- Hung 25/5/1892
- Danh mục quốc tế đầu tiên ra đời năm 1913, tại Hội nghị quốc tế về thống kê thương mại tại Bru xen do 24 nước tham gia ký kết

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Danh mục bao gồm 186 mặt hàng, chia thành 5 nhóm:
  - + Động vật sống
  - + Thực phẩm và đồ uống
  - + Nguyên liệu sơ chế
  - + Sản phẩm chế biến
  - + Vàng và bạc





# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Danh mục HQ Hội quốc liên (danh mục Genève)
- + Ra đời năm 1931, sửa đổi năm 1937
- + Bao gồm 991 nhóm, chia thành 21 phần, 86 ch- ơng
- Danh mục của HĐHTHQ
- + Do HĐHTHQ (CCC) ban hành 11/09/1959, đ- ợc coi là “Danh mục biểu thuế Bruxen”
- + Năm 1974, đổi thành danh mục HĐ Hợp tác HQ (danh mục CCCN) có 52 n- ớc tham gia

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- + Danh mục CCCN bao gồm 1011 nhóm, 21 phần, 96 ch- ơng. Mỗi nhóm có 4 chữ số (2 số đầu chỉ số ch- ơng, 2 số sau chỉ số thứ tự của nhóm)
- + Kèm theo là các chú giải, danh sách hàng hóa, bảng tóm tắt ý kiến phân loại
- Danh mục SITC
- + Tên chính thức là “Danh mục TMQT chuẩn” do Ủy ban thống kê LHQ ban hành năm 1948, trên cơ sở sửa đổi danh mục Genève

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Danh mục Harmonised system (HS)
- + Sự ra đời của danh mục HS:
  - \* Năm 1970, Ủy ban KT Châu Âu và HĐHTHQ thống nhất giao cho HĐHTHQ nghiên cứu các vấn đề liên quan đến mô tả và mã hóa hàng hóa
  - \* Năm 1983 CCCN ban hành danh mục HS để đáp ứng yêu cầu này và xây dựng “Công - ước QT về hệ thống điều hòa về mô tả và mã hóa hàng hóa” – **International convention on the Harmonised commodity description and Coding system**), có hiệu lực từ ngày 1/1/ 1988

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## Mục đích của HS

- Thu thuế HQ, thuế nội địa và thống kê NT
- Xây dựng chính sách thương mại, đàm phán TMQT và các chương trình cắt giảm thuế của WTO
- Thống kê giao thông vận tải và xây dựng cơ sở phí vận tải
- Theo dõi giá hàng và kiểm soát hạn ngạch
- Giám sát sự di chuyển qua biên giới các chất độc hại, phế liệu, phế thải

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## Nội dung công - ớc:

- 6 qui tắc chung để hiểu và diễn tả Hệ thống
- Những chú giải của các phần và các ch- ơng, kể cả chú giải phân nhóm
- Bảng danh mục gồm 21 phần, 97 ch- ơng 1552 nhóm hàng, có thể phân thành 5018 chủng loại hàng cấp 6 chữ số
- 18 phụ lục đ- ợc đặt tên từ A-R

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## Cấu trúc của danh mục hàng hóa trong công thức HS

- Mỗi mặt hàng được xác định bằng 6 chữ số, ví dụ: 2008.20: dựa trong đó:
  - + 20 chỉ mã hiệu của chương
  - + 08 chỉ vị trí của nhóm trong chương
  - + 20 chỉ phân nhóm trong nhóm

Chú ý:

- + Phân nhóm cấp 1 ký hiệu là 2 chữ số tận cùng là 0
- + Phân nhóm cấp 2 ký hiệu là 2 chữ số tận cùng là 1-9

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Các qui tắc sắp xếp hàng hóa trong HS

## *Qui tắc 1:*

- Tiêu đề của các phần, ch- ơng, phân ch- ơng chỉ mang tính h- ớng dẫn
- Việc phân loại hàng hóa phải căn cứ vào nội dung từng nhóm và chú giải của các phần ch- ơng liên quan
- Áp dụng cho việc phân loại đối với các sản phẩm đã đ- ợc định danh cụ thể, rõ ràng, phù hợp với sự mô tả của hàng hóa trong danh mục



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

*Ví dụ:*

- Tên của ch- ơng 1 là “Động vật sống” nh- ng cá sống không đ- ợc phân loại vào ch- ơng 1. Về mặt sinh học chúng là động vật sống, nh- ng theo Biểu thuế thì chúng đ- ợc phân loại vào Ch- ơng 3
- Tên của ch- ơng 44 là “Gỗ và các sản phẩm bằng gỗ; than củi”. Tuy nhiên các đồ dùng nh- bàn bằng gỗ hoặc ghế bằng gỗ không đ- ợc phân loại vào Ch- ơng 44 theo Biểu thuế thì chúng đ- ợc phân loại vào Ch- ơng 94



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Xà phòng tan trong n- ớc:*

*Có thể phân loại vào nhóm 3401. Tiêu đề của nhóm này nói rằng: “Xà phòng, các chất hữu cơ tẩy rửa bề mặt...nh- ng không đề cập đến là xà phòng có tan trong n- ớc hay không”.*

*Chúng ta tiếp tục xem chú giải của Ch- ơng 34, thấy: Chú giải 2 của Ch- ơng 24 nói rằng: “Với mục đích của nhóm 3401, thì khái niệm “xà phòng” chỉ áp dụng đối với xà phòng tan trong n- ớc...” Vì vậy theo phần thứ 2 nguyên tắc 1 thì có thể chắc chắn rằng xà phòng tan trong n- ớc đ- ợc phân loại vào nhóm 3401.*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Qui tắc 2:*
  - a. Một loại hàng hóa nào đ- ợc xếp vào một nhóm thì các dạng sau của hàng hóa cũng đ- ợc xếp vào cùng nhóm:
  - Dạng ch- a hoàn chỉnh hoặc ch- a hoàn thiện nh- ng đã mang đặc tính của hàng hóa ở dạng hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

*Ví dụ: Xe đạp không có yên*

Nhóm 8712 bao gồm “xe đạp hai bánh và các loại xe đạp chân khác.....”

Mặt hàng nêu trong ví dụ:

- Không đầy đủ nh- một chiếc xe đạp hoàn chỉnh
- Có hầu hết các bộ phận của một chiếc xe đạp
- Được sử dụng nh- một chiếc xe đạp
- Có đặc trưng cơ bản của một chiếc xe đạp

Vì vậy mặt hàng này được xếp vào nhóm 8712

- Bộ linh kiện CKD của xe hai bánh gắn máy

Sản phẩm này được nhập khẩu dưới dạng bộ linh kiện rời để lắp ráp xe máy hoàn chỉnh. Do vậy theo nguyên tắc 2a, chúng được phân loại vào nhóm 8711

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Dạng hoàn chỉnh hoặc hoàn thiện nh- ng ch- a đ- ợc lắp ráp hoặc đã tháo rời

*Ví dụ: Cầu bằng thép hay tháp bằng thép*

*Mặt hàng này có thể đ- ợc xếp trong nhóm 7308*

*Gồm “các cấu kiện (trừ các cấu kiện đúc sẵn Thuộc nhóm 9406) và các bộ phận rời của các cấu kiện (ví dụ: cầu...), bằng sắt hoặc thép tấm...”*

*Những chiếc cầu và tháp này đ- ợc nhập khẩu ở dạng tháo rời để thuận tiện trong vận chuyển. Do đó, theo nguyên tắc nguyên tắc này chúng đ- ợc phân loại trong nhóm 7308*

- *Bộ phận linh kiện CKD*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## - *Qui tắc 2:*

- b.** Nếu một vật liệu hoặc một chất đ- ợc phân loại trong cùng một nhóm thì hỗn hợp hay hợp chất của nó với những vật liệu hoặc chất khác cũng đ- ợc phân loại trong nhóm đó
- Hàng hóa đ- ợc làm toàn bộ hay một phần bằng một loại vật liệu hoặc một chất thì đ- ợc phân trong cùng một nhóm
- Việc phân loại hàng hóa làm bằng 2 vật liệu hoặc 2 chất trở lên phải tuân theo qui tắc 3

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## Ví dụ:

- Tinh bột nguyên chất 100% đ-ợc xếp vào nhóm 1108. Tuy nhiên các loại tinh bột đ-ợc xếp vào nhóm 1108 không nhất thiết luôn phải là tinh bột nguyên chất 100%. Chúng có thể bao gồm một số nhỏ các chất chống ô xy hóa. Ngay cả trong tr-ờng hợp này chúng cũng đ-ợc phân loại vào nhóm 1108 theo nguyên tắc 2b
- Nh- ng nếu l-ợng hợp chất lớn hơn, thì việc phân loại sẽ trở nên khó khăn hơn. Ví dụ: Hiện nay, đã có hợp chất giữa tinh bột và plastic đ-ợc sử dụng để chế tạo các sản phẩm plastic có thể bị vi khuẩn làm cho thối rữa khi không sử dụng đ-ợc nữa. Trong những tr-ờng hợp nh- vậy, chúng ta không chắc chắn là sản phẩm này đ-ợc xếp vào nhóm 1108

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- **Ví dụ:**
- *Phân loại sản phẩm dầu mỡ lợn. Nhóm 1503 bao gồm "...dầu mỡ lợn...ch- a pha trộn. Vì vậy nếu dầu mỡ lợn đã đ- ợc trộn với các chất khác thì không xếp vào nhóm 1503 theo nguyên tắc 2b mà nên phân loại vào nhóm khác bởi vì nhóm 1503 đã nêu rõ "dầu mỡ lợn... ch- a pha trộn". Vì vậy tr- ờng hợp này đã bị loại trừ theo nhóm 1 "phân loại sản phẩm theo qui định của nhóm".*



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

*Ví dụ:*

- *Khung gầm đã lắp động cơ ...”*

*Nếu động cơ và khung gầm đ- ợc nhập khẩu cùng nhau nh- ng khung gầm đ- ợc xuất trình d- ới dạng động cơ ch- a đ- ợc lắp ráp thì sẽ phân loại nh- thế nào? Nếu áp dụng nguyên tắc 2a, chúng có thể đ- ợc coi nh- các sản phẩm tháo rời, và có thể xếp vào nhóm 8706.*

*Tuy nhiên nếu xếp nh- trên sẽ là sai sót, vì theo nhóm 8706 đã nêu rõ “khung gầm đã lắp động cơ...” do sản phẩm thực nhập khẩu khung gầm không đ- ợc lắp vào động cơ nên không thể xếp vào nhóm 8706. Vì vậy trong tr- ờng hợp này không thể áp dụng nguyên tắc 2b đ- ợc vì nó trái với nội dung của nhóm hàng*



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## - *Qui tắc 3*

Khi áp dụng qui tắc 2b hoặc vì một lý do nào đó hàng hóa thoát nhìn có thể phân loại theo hai hoặc nhiều nhóm sẽ đ- ợc thực hiện phân loại nh- sau:

- a. Phải - u tiên phân loại vào nhóm hàng có mô tả chi tiết hàng hóa tr- ớc khi phân loại vào nhóm hàng mô tả chung hơn nhóm vừa nêu trên

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- \* Tuy nhiên, khi hai hay nhiều nhóm hàng mà mỗi nhóm này chỉ đề cập đến một phần của những chất liệu hay nguyên liệu nằm trong chủng loại hàng cần phân loại đ- ợc làm từ hỗn hợp hay từ hợp chất của những chất liệu, nguyên liệu đã đóng gói để bán lẻ thì những nhóm hàng trên đ- ợc xem nh- mang tính cụ thể ngang nhau khi phân loại chúng, dù rằng một trong những phân loại kể trên mô tả cụ thể hơn hay chi tiết hơn cho chủng hàng hóa

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Ví dụ: Dao cạo điện có thể xếp vào 3 nhóm hàng sau:*
  - . *Nhóm 8508 “Dụng cụ cơ điện để thao tác thủ công, có lắp sẵn động cơ điện”*
  - . *Nhóm 8509 “Dụng cụ cơ điện dùng trong gia đình, có lắp động cơ điện”*
  - . *Nhóm 8510 “Dao cạo,... có lắp sẵn động cơ điện”*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Ví dụ: Thảm dệt móc và dệt kim đ- ợc sử dụng trong xe ô tô.*

*Trong ô tô th- ờng có một tấm thảm đặt ở chỗ lái xe. Tấm thảm này đ- ợc thiết kế đặc biệt có hình dạng phù hợp với ghế ô tô. Tấm thảm này có thể đ- ợc phân vào hai nhóm:*

*Nhóm 8708 “Phụ tùng và bộ phận phụ trợ dùng cho xe có động cơ”*

*Nhóm 5703 “Thảm,...dệt móc..”*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Ví dụ: Băng tải một mặt là plastic còn mặt kia là cao su; có thể xếp vào hai nhóm:*

*Nhóm 3926 “Các sản phẩm khác bằng plastic..”*

*Nhóm 4010 “Băng chuyền hoặc băng tải..., bằng cao su l- u hóa”*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

b. Những hỗn hợp hàng là hợp chất làm từ nguyên liệu khác nhau hay có thành phần khác nhau và các hàng hóa này được đóng gói thành bộ để bán lẻ, chẳng thể phân loại theo 3a, thì được phân loại như là hàng hóa này được làm từ nguyên liệu hay thành phần đặc trưng của hàng hóa này, trong khuôn khổ quan điểm này có thể áp dụng được.

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

□p dụng khi:

- Hàng hóa phải Bao gồm tối thiểu 2 sản phẩm khác nhau mà thoạt nhìn có thể đ- ợc phân loại trong các nhóm khác nhau.
- Hàng hóa đ- ợc đóng thành bộ để thỏa mãn một nhu cầu cụ thể nào đó
- Hàng hóa đ- ợc đóng bộ thích hợp để bán trực tiếp cho ng- ời sử dụng mà không phải đóng lại



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Ví dụ: Hỗn hợp giữa lúa mì chiếm 70% và lúa mạch 30% để chế r- ượu.

Lúa mì thuộc nhóm 1001 và lúa mạch thuộc nhóm 1003.

- Vòng đeo chìa khóa gồm 3 bộ phận: Vòng đeo bằng thép, quả Bóng bằng nhựa, dây xích bằng thép.
  - + Hình quả bóng thu nhỏ thuộc nhóm 3926: “Các sản phẩm khác bằng plastic”.
  - + Xích bằng thép thuộc nhóm 7315: “xích và các bộ phận rời của xích, bằng thép”
  - + Vòng đeo chìa khóa bằng thép thuộc nhóm 7326: “Các sản phẩm khác bằng sắt hoặc bằng thép



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Ví dụ: Bánh Sandwich gồm thịt bò, với hoặc không Format trong một cái bánh nhỏ (nhóm 1602), đựng trong gói với một xuất khoai rán (nhóm 2004)
- Bộ thực phẩm dùng để nấu món Spaghetti (mỳ) gồm một hộp mỳ sống, một gói Format béo và một gói nhỏ sốt cà chua, đựng trong một hộp các-tông,  
Spaghetti sống thuộc nhóm 1902  
Format béo thuộc nhóm 0406  
N- ớc sốt cà chua thuộc nhóm 2103

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Ví dụ: Bộ đồ làm đầu gồm: một tông đơ điện, một cái l- ọc, một cái kéo, một bàn chải, một khăn mặt đựng trong một túi bằng da.*

*. Tông đơ điện thuộc nhóm 8510*

*. L- ọc thuộc nhóm 9615*

*. Kéo thuộc nhóm 8213*

*. Bàn chải thuộc nhóm 9603*

*. Khăn mặt thuộc nhóm 6302*

*. Túi bằng da thuộc nhóm 4202*

*Tông đơ điện đem lại cho sản phẩm đặc tính cơ bản của bộ đồ làm đầu . Do vậy sản phẩm đ- ợc phân loại vào nhóm 8510*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Ví dụ: Bộ dụng cụ vẽ gồm: một th- ớc, một vòng tính, một compas, một bút chì và một gói bút bi đựng trong túi nhựa.*
  - . *Th- ớc thuộc nhóm 9017*
  - . *Vòng tính thuộc nhóm 9017*
  - . *Compas thuộc nhóm 9017*
  - . *Bút chì thuộc nhóm 9609*
  - . *Bút bi thuộc nhóm 8214*
  - . *Túi nhựa thuộc nhóm 4202*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Thùng thực phẩm gồm 5 hộp kim loại; mỗi loại thực phẩm đ- ợc đựng riêng trong một hộp kim loại và nh- vậy sẽ đ- ợc phân loại riêng rẽ nh- sau: tôm (nhóm 1605), Pategan (1602), Format (0406), mỡ phần muối miếng (1602) và xúc xích (1601)
- Một hộp đựng hai chai r- ợu; một chai r- ợu Whisky và một chai r- ợu vang. Hai chai r- ợu này không thỏa mãn một yêu cầu đặc biệt hoặc đáp ứng một hoạt động do đó chúng không đ- ợc xem nh- đóng bộ để bán lẻ; vì vậy chai r- ợu Whisky đ- ợc xếp vào nhóm 2208, chai r- ợu vang xếp vào nhóm 2204

Nguyên tắc này không đ- ợc áp dụng cho hàng hóa bao gồm những thành phần đ- ợc đóng riêng biệt và có hoặc không đ- ợc xếp cùng với nhau trong một bao chung với 1 tỷ lệ cố định cho sản xuất công nghiệp. Ví dụ nh- sản xuất đồ uống

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- c. Khi không thể phân loại hàng hóa theo những quy định 3a và 3b, thì phân loại hàng hóa vào nhóm hàng cuối cùng theo số thứ tự từ trên xuống của những nhóm hàng đã- ợc đánh giá t- ơng tự nhau.

Trở lại ví dụ phân loại mặt hàng băng tải một mặt là plastic, còn mặt kia là cao su. Vì không thể quyết định phân loại mặt hàng này vào nhóm 4010 hay nhóm 3926 theo nguyên tắc 3a, và cũng không thể phân loại theo nguyên tắc 3b. Vì vậy mặt hàng sẽ đã- ợc phân loại theo nguyên tắc 3c “phân loại theo nhóm cuối cùng theo số thứ tự trong nhóm t- ơng đã- ợng”. Theo nguyên tắc 3c, mặt hàng thuộc ví dụ sẽ đã- ợc phân loại vào nhóm 4010

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## - Quy tắc 4:

- . Những hàng hóa không thể phân loại theo những quy tắc đề cập trên đây sẽ đ- ợc phân loại vào nhóm thích hợp nhất – nhóm của những hàng hóa giống hàng hóa cần đ- ợc phân loại nhất
- . Do việc xuất hiện hàng loạt sản phẩm mới nên không áp dụng đ- ợc 3 nguyên tắc trên.
- . Khi phân loại cần căn cứ vào tên gọi, đặc điểm, công dụng thực tế của hàng hóa

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Ví dụ: Phân loại mặt hàng “giấy nhôm bịt nút cổ chai” (loại này thường dùng bịt cổ chai rượu champagne, bia)*  
*Mặt hàng này có thể xếp vào hai mã số:*
  - + 7607: *Nhôm lá mỏng...có chiều dày (trừ phần bồi) không quá 0,2mm;*
  - + 8309: *Nút chai lọ...bao thiếc bịt nút chai....bằng kim loại thường*



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## - Quy tắc 5

a. Hộp đựng Camera, hộp đựng dụng cụ âm nhạc, dụng cụ vẽ, vòng đeo cổ và các loại bao hộp t-ơng tự, các bao hộp đ-ợc tạo dáng hay tạo hình đặc biệt chỉ để chứa một loại hàng hóa cụ thể hay bộ sản phẩm cụ thể thích hợp để sử dụng lâu dài và đi cùng với những hàng hóa mà các hộp đ-ợc sản xuất để bao gói nó, sẽ đ-ợc phân loại cùng với những hàng hóa hay sản phẩm kể trên.



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Nguyên tắc này áp dụng cho các bao bì ở dạng sau:
  - + Đ- ợc bố trí riêng để đựng một loại hàng hóa xác định hoặc một bộ hàng hóa
  - + Có thể đ- ợc dùng lâu dài, có độ bền và sự hoàn thiện để dùng cùng với hàng hóa ở trong. Những bao bì th- ờng dùng để bảo vệ hàng hóa, để đựng khi không sử dụng hàng hóa
  - + Đ- ợc trình bày với hàng hóa liên quan, hàng hóa này có thể có hoặc không đ- ợc bao gói nhằm mục đích để vận chuyển dễ dàng hơn
  - + Là loại bao bì th- ờng đ- ợc bán với hàng hóa đã nói
  - + Không mang tính chất cơ bản của bộ hàng

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- Ví dụ:

+ Hộp trang sức – 7113

+ Bao đựng máy cạo râu điện – 8510

+ Bao ống nhôm, bao kính ngắm – 9005

+ Hộp và bao đựng nhạc cụ – 9202

+ Bao súng - 9303

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- b. Những vật liệu bao gói và những thùng đựng hàng hóa đi kèm với hàng sẽ đ- ợc phân loại với những hàng hóa nếu chúng th- ờng đ- ợc dùng đóng gói những hàng hóa đó



# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## - Quy tắc 6:

Để đảm bảo tính pháp lý, xác định phân loại hàng hóa vào các phân nhóm của một nhóm hàng phải đ- ợc thực hiện theo những qui định nêu trong các chú giải của các phân nhóm nêu trên và những chú giải của các phân nhóm liên quan khác và theo từng tr- ờng hợp phải tuân theo những qui định của các qui tắc trên đây, trong điều kiện chỉ những phân nhóm cùng cấp mới đ- ợc so sánh

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

## *- Các chú giải:*

- + Là những định nghĩa về tính ràng buộc pháp lý cũng như khuôn khổ pháp lý của từng nhóm hàng, chương hay phần*
- + Cung cấp thông tin cho việc phân loại hàng hóa, hỗ trợ việc giới hạn các nhóm sao cho tránh được sự trùng lặp*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Chú giải của các phần, chương:*
- + *Tiến hành liệt kê không giới hạn các đặc tính điển hình*
- + *Đưa ra một danh sách các mặt hàng được gộp vào một nhóm hoặc một mục*
- + *Hoặc theo cách loại trừ, chỉ ra một số hàng hóa không đưa vào trong cùng một phân nhóm, nhóm, chương, phần*

# PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

- *Các chú giải của phân nhóm:*
- + *Chỉ rõ các công thức chung, nội dung của phân nhóm hoặc định nghĩa một số thuật ngữ*
- + *Các định nghĩa vừa đề- ợc soạn thảo theo các qui định chung, theo TC KT.*
- + *Chú giải của phần, chương cũng có thể sử dụng cho các phân nhóm hàng, trừ các phần của chương không phù hợp với chú giải của phân nhóm.*
- + *Có thể lấy một phần nội dung của chú giải làm đề mục của nhóm*

# KIỂM TRA S□ L- □NG, TR□NG L- □NG

- Ph- ơng pháp kiểm tra: thủ công, kiểm tra chi tiết hay trọng điểm, cả bì hay tịnh...
- Nếu kiểm tra có chênh lệch thì yêu cầu giám định



# KIỂM TRA PHỘM CHẤT

- Kiểm tra qui cách phẩm chất
- Trình độ công nghệ, chất lượng nguyên liệu
- Chứng loại
- Khi kiểm tra hải quan có thể lấy mẫu để kiểm tra tại phòng thí nghiệm, hoặc có thể yêu cầu giám định tại cơ quan giám định được nhà nước cho phép (trong hoặc ngoài nước) Nếu có kiểm tra nhà nước thì hải quan có thể lấy kiểm tra nhà nước làm cơ sở ra quyết định

# KIỂM TRA XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

## *Khái niệm:*

*Xuất xứ hàng hoá đ- ợc hiểu là địa danh chỉ nơi sản xuất, khai thác, chế biến ra hàng hoá đó.*

## *Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O):*

*Là văn bản do một cơ quan có thẩm quyền cấp cho một lô hàng để xác định xuất xứ của lô hàng đó*

# XUẤT XUẤT HÀNG HOÀ

□ nghĩa:

- Thể hiện chất lượng của hàng hoá
- Là cơ sở để xác định qui trình thủ tục hải quan nhất là thuế suất và hạn ngạch
- Khẳng định vị trí của quốc gia trên thị trường quốc tế
- Có thể trở thành công cụ cạnh tranh hữu hiệu



# XUẤT XẢ HÀNG HOA

## Các loại C/O:

- Form A: dành cho những n- ớc có GSP đối với Việt Nam
- Form B: Sử dụng khi hợp đồng yêu cầu
- Form C: Sử dụng trong ASEAN theo PTA
- Form D: Sử dụng trong ASEAN theo CEPT trong khuôn khổ AFTA
- Form E: Sử dụng trong buôn bán giữa ASEAN và Trung Quốc trong khuôn khổ ACFTA
- Form T: Giành cho hàng dệt may buôn bán giữa 2 n- ớc có ký hợp đồng dệt may với nhau
- Form ICO: Giành cho mặt hàng cà phê
- Form S: Hàng hoá buôn bán giữa VN và Lào

# XUẤT XỨ HÀNG HOÀ

■ *Qui tắc xuất xứ theo GSP*

■ *Qui tắc 1: Tiêu chuẩn để xác định xuất xứ hàng hoá*

- *Xuất xứ toàn bộ (wholly manufactured and obtained product)*
- *Xuất xứ có thành phần nhập khẩu (product with an import content)*

# XUẤT XÚ HÀNG HOÀ

## - *Qui tắc 2: Xuất xứ toàn bộ*

*Là những sản phẩm hoàn toàn đ- ợc trồng trọt, khai thác, thu hoạch... từ n- ớc xuất khẩu hoặc đ- ợc sản xuất từ những sản phẩm nói trên*

*Tiêu chuẩn xuất xứ toàn bộ đ- ợc giải thích một cách tuyệt đối. Một thành phần nhỏ nhất của nguyên liệu, bộ phận hoặc phụ tùng nhập khẩu, hoặc xuất xứ của chúng không xác định đ- ợc, sẽ làm cho sản phẩm hoàn thành liên quan mất tính chất “xuất xứ toàn bộ”*

# XUẤT XẢ HÀNG HÓA

1. Khoáng sản đ- ợc khai thác tại n- ớc đó
2. Nông sản đ- ợc thu hoạch tại n- ớc đó
3. Động vật đ- ợc sinh ra và nuôi tại n- ớc đó
4. Sản phẩm từ các động vật đã nêu trên
5. Các sản phẩm thu đ- ợc do săn bắn hoặc bắt tại nơi đó
6. Các sản phẩm thu đ- ợc do đánh cá trên biển và hải sản do tàu của n- ớc đó đánh đ- ợc từ biển
7. Sản phẩm đ- ợc chế biến hay sản xuất trên tàu của n- ớc đó từ các sản phẩm trên.
8. Các nguyên liệu đã qua sử dụng thu nhặt tại n- ớc đó, chỉ dùng để tái chế
9. Đồ phế thải từ các hoạt động công nghiệp tại n- ớc đó.
10. Các hàng hoá đ- ợc sản xuất từ các sản phẩm từ mục 1-9



# XUẤT XÚ HÀNG HÓA

## - *Qui tắc 3: Xuất xứ có thành phần nhập khẩu*

*Là những sản phẩm được sản xuất tại nước được hưởng ưu đãi GSP, bằng toàn bộ hoặc một phần nguyên vật liệu nhập khẩu, kể cả những nguyên vật liệu không xác định được nguồn gốc*

*Sản phẩm được coi là có xuất xứ tại quốc gia này khi đã qua gia công chế biến đầy đủ (sufficient working and processing)*



# XUẤT XÀ HÀNG HOÀ

 Công việc không thuộc gia công chế biến

- Bảo quản hàng hoá trong khi l- u kho
- Lau chùi, sàng lọc phân loại, chia cắt
- Thay đổi bao bì hay ghép các lô hàng
- Gắn nhãn mác, đóng gói
- Gá ráp các sản phẩm
- Gá ráp các bộ phận thành thành phẩm
- Giết mổ động vật

# XUẤT XẢ HÀNG HOA

- *Tiêu chuẩn gia công, chế biến*
- *Process criterion: Các nước EU, Nhật bản, Na Uy coi gia công đầy đủ là việc sản phẩm được chuyển từ hạng mục thuế quan này sang hạng mục thuế quan khác*
- *Ví dụ: Gỗ xẻ thuộc hạng mục HS 44.07, Vec ni là HS 32.09... nhưng ghế bành thuộc hạng mục HS 73.18*

# XUẤT XÀ HÀNG HOÀ

- *Percentage criterion: Các n- ớc khác nh- Canada, Mỹ, EU, Nga và Đông Âu lại qui định tỷ trọng tối đa hàng nhập khẩu đ- ợc phép có trong sản phẩm.*
- *Ví dụ: Úc: 50%, Canada: 40%, Mỹ: 35%, EU: 40-50%.. Giá EXW*
- *Nga, Đông Âu: 50%, Nhật Bản: 40-59% giá FOB*

# XUẤT XỨ HÀNG HÓA

## - Quy tắc 4:

### *Quy tắc tính gộp (Cumulative origin)*

- *Tính gộp giá trị xuất xứ từ các n- ớc h- ồng - u  
đãi để thoả mãn các qui định về xuất xứ.*
- *Có 2 cách cộng gộp:*
  - + *Nga, Đông Âu, Canada, New Zealand, Úc cho  
phép cộng gộp toàn thể các n- ớc đ- ợc h- ồng  
- u đãi*
  - + *EU, Mỹ chỉ cộng gộp theo khu vực nh-  
ASEAN, CACM, ADEAN, CARICOM...*

# XUẤT XẢ HÀNG HÓA

- *Qui tắc 5: Qui tắc bảo trợ (Preference – giving countries content)*
- *Theo qui tắc này, phần nguyên liệu từ n- ớc nhập khẩu sẽ đ- ợc tính gộp vào phần nguyên liệu của n- ớc xuất khẩu để xác định xuất xứ*
- *Các n- ớc EU, Mỹ, Canada, Úc, Nga, Đông Âu đều áp dụng qui tắc này. Nhật Bản có áp dụng nh- ng hạn chế*

# XUẤT XÀ HÀNG HỒ

- *Qui tắc 6: Qui tắc vận tải (đi thẳng, không gia công, chế biến)*
- *Phải đ- ợc vận chuyển thẳng từ n- ớc XK sang n- ớc NK*
- *Nếu quá cảnh thì không đ- ợc gia công chế biến*

# XUẤT XẢ HÀNG HÓA

- *Quy tắc 7: Quy tắc bằng chứng (documentary evidence)*
- *Phải xuất trình C/O form A trong thời hạn qui định*
- *Một số n- ớc yêu cầu phải có vận đơn chở suốt*

# XUẤT XỨ HÀNG HÓA

- *Quy tắc xuất xứ theo CEPT (Hiệp định ASEAN 1995)*
- *Quy tắc 1: Các điều kiện xác định xuất xứ*
- *Hàng có xuất xứ thuần túy (wholly produced or obtained)*
- *Hàng có xuất xứ không thuần túy (not-wholly produced or obtained)*



# XUẤT XÚ HÀNG HÓA

- **Qui tắc 2: Hàng có xuất xứ thuần túy**

*Là hàng đ- ợc sản xuất, thu hoạch toàn bộ tại n- ớc xuất khẩu*

- **Qui tắc 3: Xuất xứ không thuần túy**

*Hàng đ- ợc coi thoả mãn qui chế CEPT là phải có ít nhất 40% hàm l- ợng xuất xứ từ n- ớc xuất khẩu (tính theo giá FOB)*

- **Qui tắc 4: Qui tắc cộng gộp (cumulative rule)**

- *Hàm l- ợng ASEAN trong sản phẩm không ít hơn 40% theo giá FOB*

# XUẤT XẢ HÀNG HÓA

- *Qui tắc 5: Qui tắc vận tải trực tiếp:*
- *Hàng phải được chuyển thẳng từ nước xuất khẩu sang nước nhập khẩu, hoặc quá cảnh qua một nước thứ ba, cũng thuộc ASEAN.*
- *Nếu nước thứ 3 không thuộc ASEAN thì phải thỏa mãn các điều kiện:*
  - + *Vì lý do địa lý*
  - + *Không mua bán, sử dụng tại đó*
  - + *Không gia công chế biến*

# XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

- *Qui tắc 6: Qui tắc bao bì*
- *Có thể tính riêng để xét xuất xứ nh-  
hàng hoá, hoặc xét chung với hàng*
- *Qui tắc 7: Qui tắc bằng chứng*
- *Phải xuất trình C/O form D gồm 1 bản  
gốc, 3 bản sao*
- *Original (violet) and duplicate,  
triplicate, quadruplicate (orange)*

# XUẤT XÚ HÀNG HÓA

- *Quy tắc xuất xứ theo ACFTA:*
- *Tiêu chuẩn xuất xứ*
- *Quy tắc cộng gộp*
- *Tiêu chí cụ thể về mặt hàng*
- *Thao tác và chế biến tối thiểu*
- *Quy tắc vận tải trực tiếp*
- *Quy tắc bằng chứng*



















